

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

BỘT GẠO (RICE FLOUR)

TCCS 70/VDN/2023

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 70/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: BỘT GẠO (RICE FLOUR)

2. Thành phần định lượng: Bột gạo 100%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh): 20 kg, 25 kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Bao giấy 3 lớp có túi PE bên trong hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam – Nhà máy chế biến tinh bột Phước Long.

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “BỘT GẠO (RICE FLOUR)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6: mục 6.5.1).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2).



- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.19, 3.18).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 09 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CHÍ HẠO



VEDAN

BỘT GẠO

(RICE FLOUR)

Khối lượng tịnh: 20 kg

Thành phần định lượng: Bột gạo 100%.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm, lượng sử dụng tùy theo công thức phối trộn của nhà sản xuất.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ môi trường, nơi khô ráo và tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

TCCS 70/VDN/2023

Số lô:

NSX:

HSD:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam – Nhà máy chế biến tinh bột Phước Long.

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số điện thoại: 0251.3825111

Free Hotline: 1800.599.902

Được sự cho phép của:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDING) LIMITED

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O Box 2681 GT,

George Town, Grand Cayman, British West Indies.



VEDAN

BỘT GẠO

(RICE FLOUR)

Khối lượng tịnh: 25 kg

Thành phần định lượng: Bột gạo 100%.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm, lượng sử dụng tùy theo công thức phối trộn của nhà sản xuất.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ môi trường, nơi khô ráo và tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

TCCS 70/VDN/2023

Số lô:

NSX:

HSD:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam – Nhà máy chế biến tinh bột Phước Long.

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số điện thoại: 0251.3825111

Free Hotline: 1800.599.902

Được sự cho phép của:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDING) LIMITED

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O Box 2681 GT,

George Town, Grand Cayman, British West Indies.



KT3-03800BTP3/3-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2023
Page 01/03

1. Tên mẫu : BỘT GẠO (RICE FLOUR)
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 28/06/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 28/06/2023 – 06/07/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Customer National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành - Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02&03/03
Test results

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB


Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

**Ngô Quốc Việt**

KT3-03800BTP3/3-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2023
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan ^(*) / Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng bột Powder Màu trắng White Không mùi Odorless
• Trạng thái/ State				
• Màu sắc/ Color				
• Mùi / Odor				
7.2. Hàm lượng tinh bột tính theo khối lượng, % Starch content (m/m)	AOAC 2019 (920.44)		-	82,0
7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	QTTN/KT3 136 : 2016		-	11.8
7.4. pH dung dịch 20% pH of 20% solution	TCVN 12348:2018		-	6,73
7.5. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, % Protein content (m/m)	QTTN/KT3 140 : 2016		-	4,93
7.6. Hàm lượng cadimi, Cadmium content mg/kg	Kjeldahl method QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng chì, Lead content mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg Total aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3		Không phát hiện Not detected



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn trong 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và ru.tr@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and ru.tr@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03800BTP3/3-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2023
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$7,4 \times 10^2$
7.12. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.13. E.Coli, CFU/g	ISO 16649 - 2 : 2001	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.14. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2019 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.15. Clostridium perfringens, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g Total yeasts & moulds	ISO 21527-2:2008	-		$9,0 \times 10^1$

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc
 mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g
 when the dish contains no colony.

tho

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tq.tot@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tq.tot@quatest3.com.vn for further information about test report.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 07/09/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X28910360

Mã KQ/ RP No: 001027505.01

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả mã số 001027505.00 ban hành ngày 05/09/2023/
This report replaces the report No 001027505.00 issued on 05/09/2023)

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM/ VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP.,LTD
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc thai village, Long Thành-Long Thanh District, Đồng Nai/Dong Nai Province, Vietnam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01/09/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 01/09/2023 - 05/09/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : BỘT GẠO (RICE FLOUR)
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi zip
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	3.0x10 ¹	CFU/g	-	AOAC 980.31

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7392.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04